

Số: 47 /TB-BVĐK

Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc xin báo giá dịch vụ Quan trắc môi trường năm 2024
tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 2927/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc ban hành Qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2420/QĐ-SYT ngày 13/9/2021 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 2927/QĐ-SYT ngày 28/12/2018 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư về Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 1231/KH-BVĐK ngày 02/08/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và công tác giám sát chất thải tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi – Năm 2024;

Để có cơ sở xây dựng giá Kế hoạch thuê dịch vụ quan trắc môi trường Bệnh viện theo quy định. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi cần báo giá cụ thể dịch vụ quan trắc cho Bệnh viện. *(Kèm theo bản phụ lục chi tiết danh mục quan trắc của Bệnh viện năm 2024).*

Kính mời các Công ty, đơn vị có năng lực trong và ngoài tỉnh quan tâm thực hiện báo giá và gửi báo giá bằng đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Bệnh viện trước **16 giờ 30 phút, ngày 30/01/2024.**

❖ **Yêu cầu chung:**

- Giá đã bao gồm thuế VAT
- Công ty, đơn vị gửi báo giá phải đủ cơ sở, pháp lý thực hiện dịch vụ quan trắc môi trường.
- Báo giá có hiệu lực trong vòng tối thiểu **90 ngày** kể từ ngày báo giá.

❖ **Báo giá cần ghi đầy đủ các chi tiết trên bì thư:**

- Bên gửi: Tên và địa chỉ Công ty, đơn vị, gửi báo giá.

- Bên nhận: Phòng Văn thư – Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, P. Nghĩa Lộ, TP. Quảng Ngãi. ĐT: 02553.827.899

- Ghi rõ: “ Báo giá dịch vụ Quan trắc môi trường Bệnh viện năm 2024”

❖ **Danh mục:** Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đăng trang Website Bệnh viện;
- Các khoa, phòng qua Gmail;
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thiều

PHỤ LỤC
Danh mục quan trắc môi trường
tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2024
(Kèm theo Thông báo số 48/TB-BVĐK ngày 09 tháng năm 2024)

I. NƯỚC THẢI Y TẾ

- **Vị trí lấy mẫu:** Nước thải trước xử lý và Nước thải sau xử lý (02 mẫu).
- **Thành phần (thông số quan trắc):** theo QCVN 28/2010/BTNMT (cột B) trừ chỉ số Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β vì bệnh viện không thực hiện sử dụng phóng xạ trong khám bệnh, chữa bệnh.
- **Tần suất quan trắc:** 03 tháng/lần *(thực hiện tất cả 04 quý/ năm 2024)*
- **Thông số quan trắc:**

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu (01 quý)	Tổng số mẫu (Năm 2024)
1	pH	02	08
2	BOD ₅	02	08
3	COD	02	08
4	Chất rắn lơ lửng	02	08
5	Sunfua	02	08
6	Amoniac (Amoni)	02	08
7	Nitrat	02	08
8	Photphat	02	08
9	Dầu mỡ	02	08
10	Coliform tổng số	02	08
11	<i>Salmonella</i>	02	08
12	<i>Shigella</i>	02	08
13	<i>Vibrio cholerae</i>	02	08

II. NƯỚC SINH HOẠT

- **Vị trí lấy mẫu:** 02 vị trí (02 mẫu)
 - + 01 mẫu nước tại bể chứa nước trước khi sử dụng của Bệnh viện.
 - + 01 mẫu tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối
- **Thành phần (thông số quan trắc):** theo QCDP 01:2024/QNg – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- **Tần suất quan trắc:**

- a) Tần suất với thông số chất lượng nước sạch **nhóm A**: 01 lần/3 tháng.
 b) Tần suất đối với thông số chất lượng nước sạch **nhóm B**: 01 lần/6 tháng
(thực hiện ở quý II và quý IV năm 2024).

- Thông số quan trắc:

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu (01 quý)	Tổng số mẫu (Năm 2024)
A	Thông số nhóm A: thực hiện tất cả các quý năm 2024		
1	Màu sắc	02	08
2	Mùi	02	08
3	Vị	02	08
4	Độ đục	02	08
5	pH	02	08
6	Clo dư	02	08
7	Coliform tổng số	02	08
8	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt	02	08
B	Thông số nhóm B: thực hiện ở quý II và quý IV năm 2024		
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N)	02	04
10	Chỉ số Pecmanganat	02	04
11	Sắt (Fe ²⁺ + Fe ³⁺)	02	04
12	Mangan (Mn)	02	04
13	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	02	04
14	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	02	04
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	02	04
16	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	02	04

III. QUAN TRẮC NƯỚC UỐNG THEO TIÊU CHÍ “XANH – SẠCH – ĐẸP”

(Đối với CSYT sử dụng máy lọc nước uống trực tiếp)

- **Số lượng và vị trí lấy mẫu:** 01 Mẫu nước tại vòi máy lọc nước uống trực tiếp.

- **Thành phần (thông số quan trắc):** Theo QCVN 6-1: 2010/BYT (Phụ lục III) - Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai.

- **Tần suất quan trắc:** 03 tháng/lần *(thực hiện tất cả 04 quý)*

- **Thông số quan trắc:**

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu (01 quý)	Tổng số mẫu (Năm 2024)
1	E. coli hoặc coliform chịu nhiệt	01	04
2	Coliform tổng số	01	04
3	Streptococci feacal	01	04
4	Pseudomonas aeruginosa	01	04
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	01	04

IV. PHÂN TÍCH MẪU KHÔNG KHÍ

- Địa điểm quan trắc và thông số quan trắc:

• Cổng chính bệnh viện

Thông số giám sát: Bụi, khí thải (CO₂, CO, NO₂, SO₂) và tiếng ồn

• Khu vực máy phát điện dự phòng

Thông số giám sát: Bụi, khí thải (CO₂, CO, NO₂, SO₂) và tiếng ồn

• Khu xử lý nước thải và khu vực lưu giữ chất thải (chung 01 vị trí):

Thông số giám sát: Khí độc (H₂S, NH₃, CH₄)

- Tiêu chuẩn so sánh, đánh giá kết quả:

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần (thực hiện vào quý II và quý IV năm 2024)

- Thông số quan trắc:

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu (01 quý)	Tổng số mẫu (năm 2024)
1	SO ₂	02	04
2	NO ₂	02	04
3	CO	02	04
4	CO ₂	02	04
5	Bụi	02	04
6	Ồn	02	04
7	NH ₃	01	02

8	CH ₄	01	02
9	H ₂ S	01	02

V. QUAN TRẮC CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

- **Địa điểm quan trắc:** Các khoa, phòng của bệnh viện; Khu vực lưu giữ tập trung chất thải rắn y tế của khoa, phòng và bệnh viện; Khu vực lưu giữ tạm thời của bệnh viện.

- **Thành phần (thông số quan trắc):**

+ Chất thải thông thường.

+ Chất thải y tế nguy hại bao gồm: Chất thải lây nhiễm (CTLN), chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Số lượng chất thải rắn y tế (CTRYT) phát sinh trung bình một ngày (kg/ngày); Tổng số lượng CTRYT phát sinh trong kỳ báo cáo (kg); Tổng số lượng CTRYT phát sinh theo từng thành phần chất thải.

+ Căn cứ vào quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRYT và quản lý CTNH tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế để xây dựng bảng kiểm đo lường và đánh giá thực trạng về công tác QLCTYT tại BVĐK tỉnh Quảng Ngãi.

- **Tần suất quan trắc:** 04 lần/năm (thực hiện tất cả 04 quý năm 2024)

TT	Nội dung công việc	Số lượt (01 quý)	Tổng số lượt điều tra (năm 2024)
1	Điều tra phân loại chất thải y tế tại bệnh viện (số lượng, phân loại, thu gom, vận chuyển...)	01	04
2	Điều tra tổng hợp hồ sơ môi trường (Tổng hợp các hợp đồng mới nhất của bệnh viện: Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại, Hợp đồng vệ sinh môi trường, hợp đồng vận chuyển chất thải thông thường...)	01	04

VI. VIẾT BÁO CÁO

TT	Nội dung	In Báo cáo (01 quý)	Cả năm 2024
1	Đơn vị thực hiện Quan trắc môi trường tại Bệnh viện thực hiện: Tổng hợp điều tra và viết Báo cáo Quan trắc môi trường	03 Bản (01 bản gốc và 02 bản photo)	12 Bản (04 bản gốc và 04 bản photo)